

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 Đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2006 và Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 01 năm 2006, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Thác Bà – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông : Đại Ngọc Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2006
Ông : Nguyễn Quốc Chính	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2008
Ông : Nguyễn Quang Thắng	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2007
Ông : Nguyễn Xuân Nam	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2008
Ông : Lê Minh Tuấn	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2007

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông : Nguyễn Quốc Chính	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2008
Ông : Nguyễn Quốc Chi	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2008
Ông : Nguyễn Quang Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2007
Ông : Khuất Minh Toàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2006

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Nguyễn Hoài Linh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2006
Ông : Phạm Anh Tráng	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2006
Bà : Đỗ Thị Vang	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2008

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2008 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

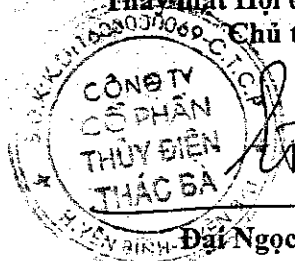
Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty.

Yên Bái, ngày 26 tháng 02 năm 2009

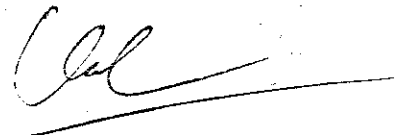
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Đài Ngọc Giang

Yên Bái, ngày 26 tháng 02 năm 2009

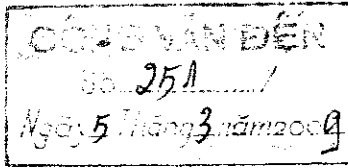
TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Quốc Chính



Số: 82./2009/BC.TC-AASC.KT5



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được lập ngày 23 tháng 02 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 5 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

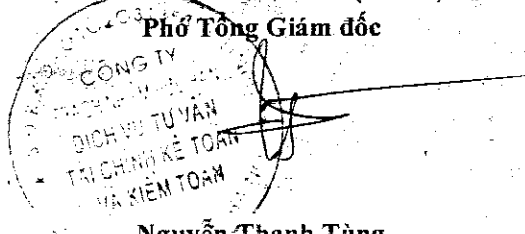
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		291.468.688.086	152.729.840.164
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		140.572.984.845	84.783.354.929
111	1. Tiền	3	140.572.984.845	84.783.354.929
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	113.752.073.417	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		113.752.073.417	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.416.184.152	54.385.261.640
131	1. Phải thu khách hàng		15.198.442.710	52.944.427.352
132	2. Trả trước cho người bán		598.039.122	-
135	3. Các khoản phải thu khác	5	8.007.143.785	1.440.834.288
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(387.441.465)	-
140	IV. Hàng tồn kho	6	13.437.563.590	13.465.559.377
141	1. Hàng tồn kho		13.440.412.735	13.475.926.793
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.849.145)	(10.367.416)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		289.882.082	95.664.218
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		289.882.082	95.664.218
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		559.823.708.570	604.583.669.340
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		559.823.708.570	604.583.669.340
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	518.624.500.753	562.919.845.037
222	- Nguyên giá		1.169.924.366.598	1.166.937.284.969
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(651.299.865.845)	(604.017.439.932)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	19.993.316.400	19.993.316.400
228	- Nguyên giá		19.993.316.400	19.993.316.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	21.205.891.417	21.670.507.903
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		851.292.396.656	757.313.509.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		58.689.863.054	51.147.277.734
310	I. Nợ ngắn hạn		58.520.974.049	51.024.987.693
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	9.508.593.000	-
312	2. Phải trả người bán		1.587.070.357	1.567.161.551
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	6.925.790.182	5.631.608.161
315	5. Phải trả người lao động		8.916.210.799	3.169.956.230
316	6. Chi phí phải trả	12	2.199.273.707	4.918.651.612
317	7. Phải trả nội bộ		-	22.813.928.092
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	29.384.036.004	12.923.682.047
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		168.889.005	122.290.041
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		168.889.005	122.290.041
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		792.602.533.602	706.166.231.770
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	792.207.398.808	705.702.740.637
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.736.794.691	259.232.384
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		29.385.459.517	15.737.138.218
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		852.699.199	175.001.608
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		124.232.445.401	54.531.368.427
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		395.134.794	463.491.133
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		395.134.794	463.491.133
432	2. Nguồn kinh phí		-	-
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		851.292.396.656	757.313.509.504

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		32.310,91	31.365,45
	Dollar Mỹ (USD)		32.310,91	31.365,45
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

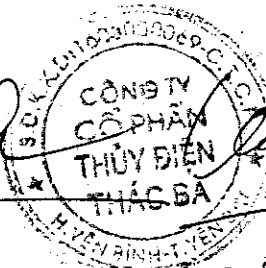
Kế toán trưởng

Yên Bái, ngày 23 tháng 02 năm 2009

Giám đốc

Nguyễn Thị Thơm

Lê Đức Tuấn



Nguyễn Quốc Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2008	2007
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	244.627.942.499	170.099.847.634
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		244.627.942.499	170.099.847.634
11	4. Giá vốn hàng bán	16	70.474.033.715	83.200.352.931
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.153.908.784	86.899.494.703
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	17.781.635.871	1.664.471.642
22	7. Chi phí tài chính	18	51.530.439	414.149.645
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		51.530.439	414.149.645
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		14.077.525.509	9.315.426.907
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		177.806.488.707	78.834.389.793
31	11. Thu nhập khác		713.333.940	2.642.886.394
32	12. Chi phí khác		331.177.456	1.754.951.582
40	13. Lợi nhuận khác		382.156.484	887.934.812
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		178.188.645.191	79.722.324.605
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	15.865.243.612	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>162.323.401.579</u>	<u>79.722.324.605</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		2.556	1.255

Yên Bái, ngày 23 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thơm

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2008	2007
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		178.188.645.191	79.722.324.605
	2. Điều chỉnh cho các khoản		47.735.640.836	69.778.121.778
02	- Khấu hao tài sản cố định		47.282.425.913	69.395.489.523
03	- Các khoản dự phòng		379.923.194	(50.605.935)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		21.761.290	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	19.088.545
06	- Chi phí lãi vay		51.530.439	414.149.645
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		225.924.286.027	149.500.446.383
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		36.123.360.019	2.506.670.838
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		41.387.058	13.783.789.628
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.489.067.185)	(29.000.811.550)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	292.518.040
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.516.848.180)	(1.922.708.154)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(27.910.668.152)	(53.443.262.259)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		215.172.449.587	81.716.642.926
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.822.726.417)	(17.277.325.208)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		444.192.000	3.040.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(113.752.073.417)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.221.133.389	1.652.535.512
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(111.909.474.445)	(15.621.749.696)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		9.508.593.000	8.902.699.226
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(17.275.945.465)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(57.010.146.396)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(47.501.553.396)	(8.373.246.239)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		55.761.421.746	57.721.646.991
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		84.783.354.929	27.049.771.808
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		28.208.170	11.936.130
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		140.572.984.845	84.783.354.929

Yên Bái, ngày 23 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thơm

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) (EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Trụ sở chính của Công ty tại : Thị trấn Thác Bà – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp Năng lượng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	09-15 năm
- Thiết bị văn phòng	05-10 năm

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đơn vị hạch toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được ghi nhận theo hóa đơn phát hành của bộ phận bán hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Hiện tại, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là người mua điện duy nhất của Công ty. EVN cam kết mua từ 85% - 90% sản lượng điện sản xuất ra của Công ty với giá mua là 530 VND/Kwh trong thời hạn 4 năm kể từ ngày 1/4/2006.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 23 tháng 10 năm 2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế tỉnh Yên Bái thì Công ty Cổ phần thủy điện Thác Bà được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo; được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 10 năm kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3 . TIỀN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	454.475.307	47.182.722
Tiền gửi ngân hàng	140.118.509.538	84.736.172.207
<i>Tiền VND</i>	139.576.758.019	84.230.749.346
<i>Tiền ngoại tệ</i>	541.751.519	505.422.861
Tiền đang chuyển	-	-
	140.572.984.845	84.783.354.929

Tiền gửi Ngân hàng bao gồm 98.512.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	113.752.073.417	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
	113.752.073.417	-

Số HĐ Ủy thác QLV	Ngày thê	Thời hạn	Lãi suất 3 tháng đầu	Số tiền ủy thác
002/2008/EVNFC-TBPC/UTQLV	8/10/08	8/10/2008 đến 8/10/2009	16,50%	53.752.073.417
003/2008/EVNFC-TBPC/UTQLV	5/11/08	5/11/2008 đến 5/11/2009	13,90%	40.000.000.000
005/2008/EVNFC-TBPC/UTQLV	1/12/08	8/10/2008 đến 8/10/2011	9,30%	20.000.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	399.842.280
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Phải thu khác	8.007.143.785	1.040.992.008
	8.007.143.785	1.440.834.288

Phải thu khác cuối kỳ trong đó bao gồm Phải thu lãi hưởng của các khoản tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư ngắn hạn khác trong năm 208 là: 6.533.840.312 VND

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.060.328.669	5.060.328.669
Nguyên liệu, vật liệu	8.140.187.617	8.170.530.631
Công cụ, dụng cụ	239.896.449	245.067.493
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	13.440.412.735	13.475.926.793
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.849.145)	(10.367.416)
Cộng	13.437.563.590	13.465.559.377

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	627.497.645.373	521.763.122.531	12.930.167.137	4.746.349.928	1.166.937.284.969
Số tăng trong năm	32.808.808	1.110.659.128	1.809.494.809	34.118.884	2.987.081.629
- Mua trong năm	-	601.139.806	1.809.494.809	34.118.884	2.444.753.499
- Đầu tư XD CB h. thành	32.808.808	509.519.322	-	-	542.328.130
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	627.530.454.181	522.873.781.659	14.739.661.946	4.780.468.812	1.169.924.366.598
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	256.184.241.167	335.275.246.558	8.371.983.891	4.185.968.316	604.017.439.932
Số tăng trong năm	18.942.184.589	26.714.885.714	1.166.284.994	459.070.616	47.282.425.913
- Khấu hao trong năm	18.942.184.589	26.714.885.714	1.166.284.994	459.070.616	47.282.425.913
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ. tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	275.126.425.756	361.990.132.272	9.538.268.885	4.645.038.932	651.299.865.845
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	371.313.404.206	186.487.875.973	4.558.183.246	560.381.612	562.919.845.037
Tại ngày cuối năm	352.404.028.425	160.883.649.387	5.201.393.061	135.429.880	518.624.500.753

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

154.701.368.233

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	19.993.316.400	-	-	-	19.993.316.400
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.993.316.400	-	-	-	19.993.316.400
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	19.993.316.400	-	-	-	19.993.316.400
Tại ngày cuối năm	19.993.316.400	-	-	-	19.993.316.400

Tài sản cố định của Công ty là quyền sử dụng các mảnh đất rộng 84.948,6 m²; 60.287 m² và 35.640 m² tại thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản cố định vô hình được xác định lại khi Công ty đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa năm 2005, đã được phê duyệt tại Quyết định số 2343/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc "Xác định giá trị Công ty Thủy điện Thác Bà thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa". Do đây là giá trị quyền sử dụng đất dài hạn, nên Công ty không trích khấu hao hàng năm.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Trạm bảo vệ CT 62	2.152.500.203	34.084.956
Đại tu nâng cấp tổ máy số 1	-	384.753.028
Nâng cấp và HĐH hệ thống đo lường, điều khiển	16.231.060.511	16.425.749.447
Đại tu nâng cấp tổ máy số 3	23.181.818	23.181.818
Đại tu HT nén khí hạ áp và cao áp	-	2.594.907.313
Đại tu đập chính	1.877.217.861	681.131.559
Đại tu hệ thống phân phối điện và các hạng mục khác	804.539.842	1.526.699.782
Xây dựng cơ bản dở dang khác	117.391.182	-
	21.205.891.417	21.670.507.903

Đơn vị hạch toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 7444/BTC-CĐKT ngày 19/06/2006.

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	9.508.593.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
	9.508.593.000	-

Các khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc
8705-LAV-2008091-09	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Yên Bình - Yên Bái (vay để trả cổ tức đợt 1 năm 2008)	1,2% tháng	30 ngày	13.000.000.000	9.508.593.000
					9.508.593.000

Đơn vị tính: VND

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.654.277.127	236.288.927
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.581.767.687	5.233.372.255
Thuế thu nhập cá nhân	281.086.668	64.581.317
Thuế tài nguyên	408.658.700	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	97.365.662
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	6.925.790.182	5.631.608.161

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.199.273.707	4.918.651.612
Chi phí trích trước	-	-
	<u>2.199.273.707</u>	<u>4.918.651.612</u>

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	44.380.976	38.507.976
Kinh phí công đoàn	228.479.057	167.085.750
Bảo hiểm xã hội	14.971.321	-
Bảo hiểm y tế	12.187.285	12.260.195
Phải trả về cổ phần hoá	-	12.343.219.875
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.084.017.365	362.608.251
	<u>29.384.036.004</u>	<u>12.923.682.047</u>

Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm có khoản Cổ tức phải trả đợt 1 năm 2008 là: 28.591.407.000 VND

CHỖ CHỮ T
 TÀI CHÍNH
 VÀ KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
Thị trấn Thác Bà - Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

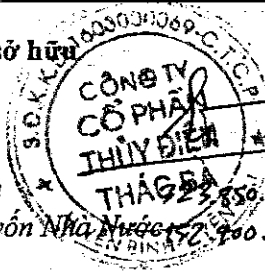
14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	635.000.000.000	-	26.637.783	-	17.163.808.203	-	-
Tăng vốn trong năm trước	-	-	232.594.601	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	79.722.324.605	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	30.524.560	15.969.732.819	175.001.608
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	42.385.288.941	232.594.601	-
Số dư cuối năm trước	635.000.000.000	-	259.232.384	-	54.531.368.427	15.737.138.218	175.001.608
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	178.188.645.191	-	-
Tăng khác	-	-	2.477.562.307	-	-	16.125.883.606	677.697.591
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	108.487.568.217	2.477.562.307	-
Số dư cuối năm nay	635.000.000.000	-	2.736.794.691	-	124.232.445.401	29.385.459.517	852.699.199

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của Nhà nước	476.250.000.000		476.250.000.000	
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	32.385.000.000	51%	476.250.000.000	75%
- Tổng công ty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	15.240.000.000	24%	-	0%
Vốn góp của các cổ đông khác	158.750.000.000	25%	158.750.000.000	25%
	635.000.000.000	100%	635.000.000.000	100%



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	635.000.000.000	635.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	73.660.000.000	25.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2007	35.560.000.000	25.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia theo KQKD năm 2008	38.100.000.000	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	63.500.000	63.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	29.385.459.517	15.737.138.218
- Quỹ dự phòng tài chính	852.699.199	175.001.608
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng qui mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp

Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp có thể hoạt động bình thường khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh, hoặc đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng: thiên tai, hoả hoạn, sự biến động về kinh tế, tài chính trong nước, ngoài nước.

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2008 VND	2007 VND
Doanh thu bán hàng	244.627.942.499	170.099.847.634
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
	<u>244.627.942.499</u>	<u>170.099.847.634</u>

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008 VND	2007 VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	70.474.033.715	83.200.352.931
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
	<u>70.474.033.715</u>	<u>83.200.352.931</u>

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008 VND	2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.753.427.701	1.652.535.512
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.208.170	11.936.130
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<u>17.781.635.871</u>	<u>1.664.471.642</u>

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2008 VND	2007 VND
Lãi tiền vay	51.530.439	414.149.645
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
	<u>51.530.439</u>	<u>414.149.645</u>

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008 VND	2007 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.865.243.612	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
	<u>15.865.243.612</u>	<u>-</u>

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau

	2008 VND	2007 VND
Lợi nhuận sau thuế	162.323.401.579	79.722.324.605
Trừ:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	162.323.401.579	79.722.324.605
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.556</u>	<u>1.255</u>

21 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2008 VND	2007 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.133.382.318	1.336.361.301
Chi phí nhân công	20.344.338.256	9.822.220.479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.282.425.913	69.395.489.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.938.400.717	2.451.631.491
Chi phí khác bằng tiền	13.853.012.020	9.510.077.044
	<u>84.551.559.224</u>	<u>92.515.779.838</u>

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

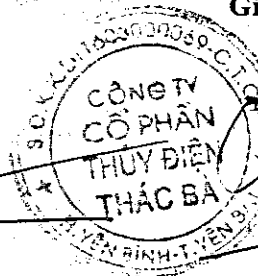
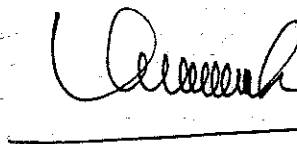
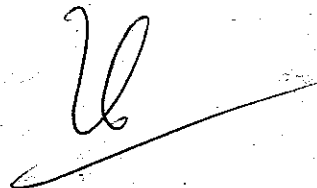
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Yên Bái, ngày 23 tháng 02 năm 2009

Giám đốc



Nguyễn Thị Thơm

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Quốc Chính